

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

.....*

THÁI BÁ CÔNG

**TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN Ở CÁC
DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM TRONG
ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Chuyên ngành : *Kế toán, tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế*
Mã số : 5.02.11

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2007

Công trình được hoàn thành tại
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. GS.TS Vương Đình Huệ**
- 2. TS Phạm Tiến Bình**

Phản biện 1: PGS,TS Đặng Thị Loan

Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Phản biện 2: PGS,TS Nguyễn Đình Hựu

Hội Kế toán – Kiểm toán Việt Nam

Phản biện 3: PGS,TS Đặng Thái Hùng

Bộ Tài chính

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước họp tại
Phòng bảo vệ luận án – Học viện Tài chính

Vào hồi giờ ngày tháng năm 2007

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Tài chính

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

01. Thái Bá Công (2005), “Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán”, *Tạp chí Kế toán* (52), tr. 23-26
02. Thái Bá Công (2005), “Xử lý nghiệp vụ trùng trong kế toán máy”, *Tạp chí Kế toán* (57), tr. 36-38
03. Thái Bá Công (2006), “Tổ chức hạch toán ban đầu và việc vận dụng phương pháp chứng từ kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm trong điều kiện kế toán máy”, *Tạp chí Kiểm toán* 8(69), tr. 25-28

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Công nghệ thông tin ngày càng phát triển và ứng dụng vào các lĩnh vực kinh tế, văn hoá và đời sống xã hội. Kinh tế Việt Nam chúng ta đang trong giai đoạn chuyển đổi và phát triển theo nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kế toán là một trong những công cụ quan trọng của hệ công cụ quản lý kinh tế, tài chính. Nền kinh tế thị trường đã và đang từng bước đưa công nghệ thông tin vào trong lĩnh vực kế toán. Do sự khác nhau về điều kiện trang bị phương tiện kỹ thuật, về trình độ tin học cơ bản và ứng dụng mà trên thực tế các DN ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán cũng rất khác nhau. Mặt khác, tuy Luật Kế toán và chế độ kế toán mới ban hành đã bước đầu tạo ra hành lang pháp lý cho các DN trong việc tổ chức công tác kế toán trên máy vi tính. Nhưng trên thực tế việc ứng dụng công nghệ thông tin thông qua các phần mềm kế toán còn nhiều bất cập. Từ đó đòi hỏi vấn đề phải được nghiên cứu một cách có hệ thống để có được phương hướng cải tiến, sửa đổi và tổ chức công tác kế toán cho phù hợp với nguyên lý hoạt động và chương trình của máy vi tính.

Dược phẩm là loại sản phẩm hàng hoá được Nhà nước quy định trong nhóm sản phẩm hàng hoá đặc biệt, nó chiếm một vị trí quan trọng trong chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân của Đảng và Nhà nước ta. Trong những năm gần đây, các DNSXDP đã có nhiều thay đổi về công nghệ sản xuất cũng như quản lý sản xuất. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, mà trước hết là phần mềm kế toán vào công tác kế toán bước đầu đã mang lại hiệu quả trong quản lý sản xuất kinh doanh. Mặc dù việc ứng dụng phần mềm kế toán bước đầu đã có kết quả, song cho đến nay về mặt thực tiễn tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung, doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm nói riêng vẫn còn mang tính tự phát. Về mặt lý luận cũng như chế độ kế toán ứng dụng công nghệ thông tin vẫn còn đang trong giai đoạn nghiên cứu và hoàn thiện.

Với những lý do nêu trên, tác giả đã chọn đề tài ***“Tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin”*** để làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Đề tài nghiên cứu tập trung vào các mục đích sau:

- Trình bày khái quát những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp, các mô hình tổ chức công tác kế toán thủ công khi chuyển sang kế toán trên máy vi tính.

- Phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán ứng dụng công nghệ thông tin về phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm Việt Nam trong thời gian qua.

- Đề xuất các giải pháp chủ yếu để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm Việt Nam trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin ở các DNSXDP Việt Nam. Do giới hạn về thời gian nghiên cứu cũng như dung lượng của một luận án và tính đa dạng của doanh nghiệp Dược phẩm, luận án chỉ tập trung làm rõ những luận chứng khoa học và thực tiễn trong quá trình tổ chức *ứng dụng công nghệ thông tin về phần mềm kế toán* vào công tác kế toán ở các DNSXDP Việt Nam trên cơ sở khảo sát các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội, không nghiên cứu các DNSXDP có vốn đầu tư nước ngoài hay doanh nghiệp liên doanh. Từ đó đề xuất những giải pháp chủ yếu mang tính định hướng cho việc thiết lập và hoàn thiện tổ chức công tác kế toán DNSXDP Việt Nam trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Về khoa học: Đề tài nhằm củng cố, làm rõ và *bổ sung phần lớn những lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin*, trên cơ sở đó góp phần nhận thức đầy đủ hơn về nội dung cũng như lý luận của tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán, một vấn đề lý luận mà từ trước đến nay chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện mà thường tập trung vào việc giới thiệu nội dung, cách thức thực hành từng phần mềm kế toán của từng công ty cung cấp phần mềm.

Về thực tiễn:

- Khái quát, phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán ứng dụng công nghệ thông tin về phần mềm kế toán tại các DNSXDP Việt Nam trong thời gian qua; chỉ ra được những bất cập, hạn chế và nguyên nhân tồn tại.

- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán DNSXDP Việt Nam trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng vừa đáp ứng được yêu cầu hội nhập của kế toán Việt Nam với kế toán quốc tế, vừa phù hợp với đặc điểm của các DNSXDP Việt Nam trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

5. Kết cấu luận án

Luận án gồm 3 chương, được trình bày trong 180 trang, không kể lời mở đầu và kết luận.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1.1 Khái niệm, nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm và nội dung cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

Trong phần này, luận án đã trình bày các quan điểm về khái niệm, nội dung của tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp. Có rất nhiều quan điểm khác nhau khi định nghĩa về tổ chức công tác kế toán và nội dung của tổ chức công tác kế toán, như quan điểm của các nhà khoa học trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; các nhà khoa học Trường Đại học Quốc gia và Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh; các nhà khoa học Học viện Tài chính... Từ đó luận án đi đến kết luận: *Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp là hoạt động chủ quan của doanh nghiệp trong việc tổ chức vận dụng các phương pháp, nguyên tắc, chuẩn mực và chế độ kế toán để thu nhận, xử lý và cung cấp toàn bộ thông tin về tài sản, nguồn hình thành và sự vận động của tài sản, các hoạt động kinh tế tài chính trong các doanh nghiệp, nhằm kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.*

1.1.2 Nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

Luận án đã trình bày các nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp là:

- *Nhiệm vụ 1:* Tổ chức khoa học và hợp lý công tác kế toán ở đơn vị, tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý và phân cấp quản lý tài chính ở doanh nghiệp.

- *Nhiệm vụ 2:* Tổ chức áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật, khoa học quản lý tiên tiến; tổ chức trang bị và ứng dụng kỹ thuật tính toán và thông tin hiện đại vào công tác kế toán; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ, nghiệp vụ quản lý, trình độ khoa học kỹ thuật cho cán bộ, nhân viên kế toán.

- *Nhiệm vụ 3*: Hướng dẫn và kiểm tra cán bộ công nhân viên trong đơn vị chấp hành pháp luật, chuẩn mực kế toán, chế độ tài chính, tổ chức kiểm tra kế toán trong đơn vị.

1.2 Công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác kế toán

1.2.1 Công nghệ thông tin

Luận án đã trình bày khái quát về Công nghệ thông tin, đó là tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật hiện đại để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin.

Thông tin luôn gắn liền với quá trình điều khiển. Quá trình điều khiển các hệ thống thường là liên tục, nhất là các hệ thống kinh tế - xã hội. Để có được những quyết định đúng đắn, thông tin thu thập phải được xử lý một cách chính xác. Quá trình xử lý thông tin bao gồm bốn bước cơ bản: thu thập thông tin; xử lý thông tin; lưu trữ thông tin; truyền tin.

1.2.2 Máy vi tính và khả năng của máy vi tính trong xử lý thông tin

Máy tính điện tử, nếu nhìn từ góc độ vật chất, máy tính được định nghĩa là một thiết bị điện tử có khả năng nhận dữ liệu và lệnh, thực hiện các lệnh để xử lý dữ liệu và biểu diễn kết quả xử lý đó. Nếu nhìn từ khía cạnh xử lý thông tin, máy tính được hiểu như một công cụ có thể lập trình để xử lý các dữ liệu đã được mã hóa. Trong phần này, luận án đã làm rõ những đặc trưng cơ bản, những ưu điểm của máy tính trong công tác quản lý theo nguyên tắc hoạt động tự động theo chương trình.

1.2.3 Nguyên tắc lưu trữ dữ liệu trong máy vi tính

Luận án trình bày tổng quát các phương pháp thông dụng được sử dụng để lưu trữ dữ liệu là lưu trữ dưới dạng hệ thống các tệp tin truyền thống và lưu trữ dưới dạng cơ sở dữ liệu (CSDL). Trong đó, mô hình *lưu trữ dữ liệu dưới dạng hệ thống các tệp tin truyền thống* dữ liệu thường bị dư thừa, việc tìm kiếm thông tin không thuận tiện, khả năng tổng hợp thông tin rất thấp. Còn đối với mô hình *cơ sở dữ liệu* là một hệ thống tích hợp các tệp tin, được thiết kế nhằm giảm thiểu việc lặp lại dữ liệu. Các tệp tin của CSDL là thành phần của một bộ chương trình nhằm tạo lập, quản lý và truy xuất các tệp tin CSDL. Mô hình này được sử dụng phổ biến trong công tác quản lý và kế toán.

1.2.4 Phần mềm kế toán, tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng và tính ưu việt so với kế toán thủ công

Trong phần này, sau khi trình bày các khái niệm phần mềm, phần mềm kế toán; luận án đã nêu lên các tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng và tính ưu việt so với kế toán thủ công. Phần mềm kế toán chính là công cụ tự động hoá công tác xử lý thông tin kế toán trong các đơn vị. Và luận án đã đi đến kết luận: *Khi ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán thì không làm thay đổi bản chất của khoa học kế toán mà chỉ thay đổi về mặt tổ chức công tác kế toán.*

1.3 Nguyên tắc tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

Trong phần này, luận án đã nêu lên 5 nguyên tắc tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, trước hết là ứng dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính.

- Tổ chức công tác kế toán trên máy vi tính phải đảm bảo tính khoa học và hợp lý, trên cơ sở chấp hành Luật Kế toán, phù hợp với yêu cầu quản lý vĩ mô của Nhà nước, phù hợp chuẩn mực kế toán và các chính sách chế độ tài chính kế toán của Nhà nước.

- Tổ chức công tác kế toán trên máy vi tính ở DN phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của DN

- Tổ chức công tác kế toán trên máy vi tính phải đảm bảo thu nhận, kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính của DN phải đáp ứng được yêu cầu quản lý của DN và Nhà nước.

- Tổ chức công tác kế toán trên máy vi tính phải phù hợp với biên chế và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

- Tổ chức công tác kế toán trên máy vi tính ở DN cần phải quán triệt nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

1.4 Những nhân tố tác động đến tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp

1.4.1 Nhân tố về tổ chức sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp

Mỗi ngành, mỗi DN có đặc điểm hoạt động kinh doanh khác nhau, quy trình công nghệ sản xuất khác nhau, đặc điểm sản phẩm của chúng cũng có những điểm khác nhau. Do đó nó sẽ chi phối tới việc tổ chức quản lý kinh doanh, trong đó có tổ chức tổ chức công tác kế toán. Những đặc điểm đó sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến việc tổ chức hạch toán, xác định hệ

thống tài khoản kế toán, lựa chọn công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành, tổ chức công tác kế toán...

1.4.2 Nhân tố về tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh ở doanh nghiệp

Tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh ở doanh nghiệp, quy mô, trình độ, yêu cầu quản lý và tình hình phân cấp quản lý tài chính ở DN là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán ở DN.

1.4.3 Nhân tố về trình độ khoa học kỹ thuật ứng dụng trong công tác quản lý của doanh nghiệp

Trong quá trình tổ chức công tác kế toán ở DN thì trình độ ứng dụng khoa học kỹ thuật có tác động chi phối đến việc thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin; chi phối tới việc xác định cơ cấu phòng kế toán, việc phân công nhân viên hạch toán, tổ chức mã hoá các tài khoản kế toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho doanh nghiệp...

1.4.4 Nhân tố về môi trường pháp lý

Trên phương diện tổ chức công tác kế toán, các doanh nghiệp cần có một môi trường pháp lý đảm bảo cho các đơn vị tổ chức công tác kế toán một cách có hiệu quả. Đó là hệ thống luật pháp như Luật Kế toán, Luật Kiểm toán; Luật Doanh nghiệp; Luật Công nghệ thông tin; chế độ kế toán và tài chính... đã chi phối đến các nội dung của tổ chức công tác kế toán trong từng doanh nghiệp.

1.5 Hệ thống thông tin kế toán và nội dung các công việc tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

1.5.1 Hệ thống thông tin kế toán

Trong phần này, sau khi trình bày khái quát về lý thuyết hệ thống, luận án đã làm rõ khái niệm hệ thống kế toán và hệ thống thông tin kế toán. Hệ thống thông tin kế toán là hệ thống cung cấp thông tin xử lý nghiệp vụ tài chính và các thông tin liên quan tới việc phân tích lập kế hoạch bao gồm hệ thống thông tin kế toán tài chính và hệ thống thông tin kế toán quản trị. Hệ thống thông tin kế toán có thể xử lý và cung cấp bằng thủ công hoặc bằng máy tính thông qua phần mềm kế toán. Nội dung của hệ thống thông tin kế toán trong từng phân hệ tùy thuộc vào từng quốc gia áp dụng mô hình kế toán nào. Hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam được thiết kế theo “*mô hình kế toán Động*”.

1.5.2 Hệ thống thông tin kế toán doanh nghiệp trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

Hệ thống thông tin kế toán doanh nghiệp trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin là một hệ thống thông tin hiện đại, dưới quyền chủ động tổ chức của con người áp dụng nghiệp vụ chuyên môn kế toán, sử dụng hệ thống máy vi tính và các phần mềm kế toán thực hiện các chức năng thu nhận, xử lý, lưu trữ và kết xuất, truyền đạt các thông tin kinh tế tài chính tạo thành một hệ thống thông tin kế toán. Một hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện kế toán máy bao gồm quá trình dữ liệu đầu vào, quá trình xử lý dữ liệu và thông tin đầu ra.

1.6 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

1.6.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Hiện nay các DN có thể tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin theo một trong ba hình thức: *Hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung, hình thức tổ chức công tác kế toán phân tán, hình thức tổ chức công tác kế toán vừa tập trung vừa phân tán*. Sau khi trình bày những nội dung cơ bản của từng hình thức tổ chức công tác kế toán, luận án trình bày điểm khác biệt cơ bản giữa hình thức tổ chức công tác kế toán trên máy vi tính với hình thức tổ chức công tác kế toán thủ công làm cơ sở cho tổ chức các nội dung tiếp theo của tổ chức công tác kế toán.

1.6.2 Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

Trong điều kiện doanh nghiệp ứng dụng phần mềm kế toán, các chứng từ phải được phân loại và mã hoá theo từng nội dung công tác kế toán có liên quan. Tùy thuộc vào bộ máy kế toán, đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, khối lượng công việc, trình độ chuyên môn... mà lãnh đạo phòng kế toán phân công phân nhiệm, qui định người lập và kiểm tra chứng từ, trình tự lập, nhập dữ liệu, luân chuyển, về xử lý khử trùng... và lưu trữ chứng từ.

1.6.3 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

Trong kế toán trên máy vi tính, việc xây dựng hệ thống danh mục tài khoản phải đáp ứng được yêu cầu kết xuất được hệ thống thông tin kế toán tài chính và hệ thống thông tin kế toán quản trị. Hệ thống tài khoản kế toán phải được tổ chức mã hoá bao gồm cả tài khoản kế toán tài chính và tài khoản kế toán quản trị. Đây là một trong những công việc quan trọng trong nội dung mã hoá các đối tượng quản lý - điều kiện không thể thiếu trong tổ

chức kế toán trên máy vi tính. Việc mã hoá tài khoản kế toán áp dụng trong doanh nghiệp nên dựa vào hệ thống số hiệu của các tài khoản do chế độ kế toán qui định thống nhất rồi sử dụng các phương pháp mã hóa thích hợp để mã hoá cho các tài khoản chi tiết.

1.6.4 Tổ chức lựa chọn, vận dụng hình thức kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Hình thức kế toán là các mẫu sổ kế toán, trình tự, phương pháp ghi sổ và mối liên quan giữa các sổ kế toán. Trong điều kiện DN ứng dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính, việc lựa chọn và thiết kế mẫu sổ phải đảm bảo các nguyên tắc nhất định. Trong phần này, luận án trình bày những đặc trưng cơ bản, trình tự ghi sổ... của từng hình thức kế toán và đặc biệt, luận án đã làm nổi bật những điểm khác nhau cơ bản giữa hình thức kế toán thủ công với kế toán trên máy vi tính.

1.6.5 Tổ chức công tác kiểm tra kế toán và quản trị người dùng

Do đặc thù của chương trình kế toán máy, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được sử dụng chứng từ gốc nhập liệu một lần duy nhất cho các đối tượng kế toán đã được mã hoá theo nguyên tắc "nhập dữ liệu chi tiết nhất" và "chống trùng". Trong phần này, luận án đã nêu lên những khác biệt về tổ chức và phương pháp kiểm tra kế toán trong điều kiện doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin với việc kiểm tra thủ công, trong đó trọng tâm của việc kiểm tra là các chứng từ kế toán và quá trình nhập dữ liệu; có thể sử dụng chương trình phần mềm để kiểm tra kế toán. Mặt khác, kiểm tra kế toán gắn liền với công tác quản trị người dùng. Quản trị người dùng là những vấn đề liên quan đến tổ chức phân công trách nhiệm, công việc được quyền thực hiện và khai thác thông tin cho các nhân viên trong hệ thống mạng máy tính cục bộ, nội bộ.

1.6.6 Tổ chức công tác lập và phân tích báo cáo kế toán

Hệ thống báo cáo kế toán của doanh nghiệp gồm hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị. Các DN bắt buộc phải lập, cung cấp báo cáo tài chính cho các đối tượng sử dụng thông tin theo yêu cầu của Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán. Các báo cáo kế toán quản trị không mang tính bắt buộc, số lượng và loại báo cáo kế toán quản trị do DN quy định tùy theo yêu cầu quản trị. Đối với hệ thống sổ chi tiết, các hình thức

kế toán đều có thể sử dụng mẫu số chi tiết theo mẫu số hướng dẫn của Nhà nước. Tuy nhiên để đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp và khai thác khả năng ưu việt của chương trình máy tính, các đơn vị có thể xây dựng rất nhiều mẫu số chi tiết khác nhau.

Phần cuối chương 1, luận án đã đi đến kết luận sự khác biệt cơ bản giữa tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, mà trước hết là tổ chức ứng dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính với tổ chức công tác kế toán thủ công.

Chương 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỚI VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM VIỆT NAM

2.1 Sự phát triển của ngành Dược và các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm Việt Nam trong thời gian qua

2.1.1 Thực trạng các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuốc Trung ương và các Tỉnh, Thành phố trong cả nước

Trong phần này, luận án đã trình bày và đánh giá thực trạng các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuốc Trung ương và các Tỉnh, Thành phố trong cả nước từ đầu những năm 1990 đến nay, đặc biệt là trong những năm 2000 đến 2004. Luận án đã đi đến đánh giá: Mặc dù các doanh nghiệp có mức tăng sản lượng hàng năm nhưng tốc độ tăng còn khiêm tốn, sản lượng thuốc chỉ đáp ứng xấp xỉ 70% nhu cầu trong dân cư, phần còn lại phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Điều đó đặt ra cho các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm Việt Nam cần phải có trách nhiệm với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

2.1.2 Mục tiêu chiến lược tổng quát phát triển ngành Dược đến năm 2010

Phát triển ngành Dược thành một ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá, chủ động hội nhập khu vực và thế giới nhằm đảm bảo cung ứng đủ thuốc thường xuyên và có chất lượng, đảm bảo sử dụng thuốc hợp lý và an toàn, phục vụ sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Luận án đã nêu lên những mục tiêu cụ thể, các giải pháp và chính sách chủ yếu để phát triển ngành Dược từ nay đến năm 2010.

2.2 Đặc điểm hoạt động và tổ chức, quản lý sản xuất của các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm và sự ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán

Trong phần này, luận án đã trình bày những đặc điểm và tính chất đa dạng của sản phẩm ngành Dược; sự đa dạng của nguyên vật liệu; đặc điểm

về máy móc thiết bị; đặc điểm về đội ngũ lao động; đặc điểm về qui trình công nghệ sản xuất sản phẩm chủ yếu; đặc điểm về tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm. Trong từng đặc điểm, luận án đã phân tích những tác động của nó đến tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán như tổ chức các danh mục tài khoản, vật tư, sản phẩm, hàng hóa; tổ chức mạng nội bộ và thiết lập các Module chương trình quản lý và kế toán cũng như mối quan hệ giữa các Module...

2.3 Thực trạng về tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm đã ứng dụng công nghệ thông tin

2.3.1 Khái quát về công nghệ thông tin và công nghiệp phần mềm Việt Nam

Luận án đã khái quát công nghệ thông tin và công nghiệp phần mềm qua các thời kỳ. Từ 1990 cho đến cuối năm 2001, thực trạng công nghiệp phần mềm Việt Nam là kết quả của một sự phát triển tự phát, chưa có sự nâng đỡ, định hướng chỉ đạo một cách có bài bản của Nhà nước và các tổ chức liên quan. Từ 2001 đến nay, có thể nói thực trạng công nghiệp phần mềm Việt Nam với những bước đi có định hướng, có sự chỉ đạo của Đảng, Chính phủ nên đã có một bước chuyển mình thực sự về chất lượng cũng như về số lượng.

2.3.2 Thực trạng về tổ chức công tác kế toán ứng dụng công nghệ thông tin ở các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm Việt Nam

Sau khi khái quát thực trạng về tổ chức công tác kế toán ứng dụng công nghệ thông tin ở các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm Việt Nam trong thời gian qua trên các nội dung của tổ chức công tác kế toán, luận án đã có được những đánh giá về ưu điểm, nhược điểm, rút ra các nguyên nhân tồn tại:

Thứ nhất, những ưu điểm:

- Các doanh nghiệp đã quan tâm đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán, bước đầu đã có sự thành công trong công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán. Trong quá trình tổ chức công tác kế toán, các đơn vị nhìn chung đã bám sát, tuân thủ luật pháp, chuẩn mực kế toán, chế độ và chính sách tài chính kế toán để thực hiện. Nhìn chung các đơn vị ứng dụng phần mềm kế toán đều có sự cải tiến và đổi mới nhất định về tổ chức công tác kế toán ở đơn vị mình cho phù hợp với điều kiện mới.

Thứ hai, những tồn tại:

Bên cạnh những ưu điểm là cơ bản, nhưng ở các doanh nghiệp vẫn còn một số tồn tại trong tổ chức công tác kế toán như sau:

Một: Về tổ chức bộ máy kế toán ở các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm.

- Phần lớn các DN sử dụng phần mềm kế toán vẫn tiến hành tổ chức kế toán trên máy tính đơn lẻ, có thể nối mạng cục bộ mà chưa chưa nối mạng nội bộ. Hạn chế này một phần do hạn hẹp về kinh phí đầu tư cho mạng máy tính. Mặt khác, bước đầu về mặt tâm lý các đơn vị chưa thực sự đổi mới về nhận thức.

- Một số DN tổ chức phân công nội bộ công việc trong phòng kế toán theo cách là có bộ phận máy tính riêng, chuyên nhập dữ liệu, còn các bộ phận khác làm nhiệm vụ tiền xử lý, không được nhập thông tin, dữ liệu. Việc tổ chức như vậy có nhiều hạn chế, nhất là không gắn liền trách nhiệm giữa việc nhập thông tin, dữ liệu.

- Thực tế nhiều DN chưa chú trọng đến vấn đề đào tạo kiến thức cơ bản và nền tảng về tin học, lý thuyết kế toán trên máy, mới chủ yếu đào tạo, hướng dẫn cán bộ, nhân viên kế toán sử dụng thao tác trên máy tính theo phần mềm kế toán đã được cài đặt.

Hai: Về công tác kiểm tra, kiểm soát và quản trị người dùng

Nhìn chung các DN đều có sự kiểm tra, kiểm soát ở các bộ phận kế toán trong quá trình lập hoá đơn, chứng từ và sự kiểm tra kiểm soát của kế toán trưởng. Nhưng các đơn vị chưa thiết kế chương trình kiểm tra kế toán trong điều kiện DN đã tổ chức kế toán trên máy vi tính. Một số đơn vị quản lý hệ thống mật khẩu không chặt chẽ, nên tính bảo mật không cao, có tình trạng sửa chữa số liệu trên sổ sách kế toán khi chưa được phép, làm ảnh hưởng đến tính trung thực của số liệu, tài liệu kế toán.

Ba: Tổ chức mã hoá đối tượng quản lý, mã hoá tài khoản kế toán

Các DN đều đã tổ chức mã hoá đối tượng và tài khoản, những phương pháp và cách thức mã hoá cũng rất khác nhau. Hạn chế cơ bản về các vấn đề này là các doanh nghiệp trong từng ngành, cùng lĩnh vực lại tổ chức mã hoá cùng một đối tượng lại khác nhau. Điều đó gây khó khăn trên góc độ quản lý vĩ mô của ngành, của lĩnh vực, cũng như trong việc tổ chức tổng hợp số liệu thống kê của ngành, lĩnh vực.

Bốn: Về tổ chức hệ thống chứng từ và hạch toán ban đầu

Mỗi đơn vị thiết kế chứng từ trên máy theo một cách, trong đó thiết kế các yếu tố cố định trên mỗi mẫu chứng từ cho từng loại là không đảm bảo tính linh hoạt, khó khăn khi cần bổ sung, thêm bớt các yếu tố cho từng nhiệm vụ cụ thể, hoặc có những yếu tố không cần thiết cho một nghiệp vụ, nhưng vẫn phải thao tác làm giảm hiệu suất của chương trình. Việc sửa chữa số liệu, chứng từ còn có sự trùng lặp, sửa trực tiếp ngay trên chứng từ và sổ kế toán và không lập chứng từ sửa sai.

Năm: Về tổ chức hình thức kế toán, hệ thống sổ kế toán

Hạn chế lớn nhất của vấn đề này là tổ chức xem, in và lưu sổ kế toán, nhiều đơn vị chưa hiểu rõ nguyên tắc tổ chức quản lý hệ thống sổ kế toán trong điều kiện sử dụng máy vi tính. Chính vì vậy, một số đơn vị do trực trặc kỹ thuật của máy tính mà số liệu kế toán lưu trữ trên máy bị ảnh hưởng, thậm chí bị mất. Nhiều đơn vị còn quá lệ thuộc vào hình thức kế toán áp dụng khi kế toán thủ công, nên khi chuyển sang kế toán trên máy vẫn giữ nguyên hình thức kế toán cũ (như hình thức NKCT, hoặc Nhật kí - Sổ cái) mặc dù chúng không còn phù hợp.

Sáu: Về tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

Hệ thống báo cáo tài chính được hầu hết các doanh nghiệp tổ chức lập đúng theo chế độ qui định. Tuy nhiên còn một số đơn vị khi lập báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh; báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính còn kết hợp giữa máy tính và thủ công. Điều này phụ thuộc vào chương trình phần mềm kế toán chưa đáp ứng được yêu cầu, các đơn vị chưa chú trọng đến hệ thống báo cáo về các tình huống hoặc thông tin để ra quyết định theo kế toán quản trị.

Bảy: Về ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Nhìn chung các DNSXDP chưa thực sự chú trọng vào công tác kế toán quản trị hệ thống nguồn lực doanh nghiệp ERP (*Enterprise Resource Planning*), các phần mềm kế toán mới bước đầu đề cập đến một số nội dung của tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí – giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp thực hiện chương trình tính giá thành theo kiểu bán tự động kết hợp với thủ công, “bốc thuốc”.

Thứ ba, nguyên nhân tồn tại:

- *Một:* Các cơ quan quản lý, các Bộ, ngành chức năng chưa có các văn bản, chế độ, quy định hoặc tài liệu hướng dẫn tổ chức công tác kế toán cho các đơn vị trong quá trình chuyển đổi từ kế toán thủ công sang kế toán trên máy.

- *Hai:* Sự hiểu biết về tin học và phần mềm kế toán của các cán bộ quản lý, cán bộ kế toán ở các đơn vị còn rất hạn chế, đặc biệt là kiến thức nền tảng về tổ chức kế toán trên máy vi tính của các cán bộ kế toán chưa được trang bị đầy đủ và có hệ thống. Trong khi đó trình độ hiểu biết về chuyên môn kế toán của những người lập trình phần mềm kế toán lại còn nhiều hạn chế, nên phần mềm kế toán được thiết kế không đáp ứng hết yêu cầu của người quản lý, của cán bộ kế toán.

- *Ba:* Sự quan tâm đến việc cải tiến tổ chức quản lý kinh doanh, cải tiến công tác kế toán công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn về kế

toán và tin học ở các đơn vị chưa đúng mức, chưa có sự đầu tư thoả đáng cho công tác này.

2.4 Kinh nghiệm của các nước trên thế giới về tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

2.4.1 Công nghệ thông tin trong công tác kế toán và quản trị doanh nghiệp trên thế giới

Nhìn chung tất cả các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị doanh nghiệp và cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý chức năng của Nhà nước thông qua phần mềm “*Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp*” (ERP - *Enterprise Resource Planning*). Và như vậy, hệ thống thông tin kế toán là một bộ phận trong hệ thống “*tổng thể thông tin hữu cơ*” của toàn doanh nghiệp. Đặc trưng của phần mềm ERP có cấu trúc phân hệ Module, có tính kết nối và chia sẻ thông tin tạo thành hệ thống thông tin tích hợp.

2.4.2 Thực trạng áp dụng hệ thống phần mềm ERP nước ngoài và bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm Việt Nam

Từ trước năm 2000, do nhu cầu quản trị thông tin trong doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nên đã có khá nhiều phần mềm kế toán chuyên nghiệp nước ngoài được đưa vào thương mại ở Việt Nam như Solomon, SunSystem, Exact Software, Peachtree Accounting... Sau một thời gian có mặt trên thị trường Việt Nam, các phần mềm chỉ bán được rất hạn chế. Nguyên nhân cản trở việc áp dụng phần mềm kế toán chuyên nghiệp nước ngoài vào Việt Nam là: Giá bán quá cao; giao diện màn hình và tài liệu hướng dẫn sử dụng không thông dụng; hệ thống kế toán trong các phần mềm kế toán nước ngoài chưa phù hợp với hệ thống kế toán Việt Nam; công tác bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật gặp nhiều khó khăn.

Từ thực trạng về ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán của các nước phát triển trên thế giới và việc thâm nhập phần mềm kế toán nước ngoài vào Việt Nam trong thời gian qua, chúng ta có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho các DNSXDP Việt Nam như sau:

1- Phần lớn các DNSXDP Việt Nam có qui mô vừa và nhỏ và địa bàn sản xuất kinh doanh cũng trong lãnh thổ quốc gia. Các sản phẩm thuốc tân dược của chúng ta còn chưa đủ tầm cạnh tranh với các nước trên thế giới. Việc tổ chức các Module quản trị bán hàng xuyên quốc gia đạt tiêu chuẩn ERP trong giai đoạn hiện nay là chưa cần thiết và sẽ là không hiệu quả kinh tế.

2- Mặc dù các phần mềm nước ngoài vượt trội so với phần mềm nội địa về chất lượng, về tính chuyên nghiệp và đặc biệt là tính quản trị sản xuất, quản trị bán hàng... Nhưng xét trên các mặt tồn tại của các phần mềm

ngoại đã nói ở trên thì các DNSXDP Việt Nam không thể “*nhập ngoại nguyên bản bản quyền phần mềm nước ngoài*” được.

3- Hiện nay các công ty sản xuất phần mềm trong nước đã bước đầu tiếp cận được với công nghệ sản xuất phần mềm kế toán hiện đại, đặc biệt là đã xuất hiện một số công ty phần mềm đã thiết kế, xây dựng phần mềm kế toán quản trị với một số chức năng “*lấn át*” sang các chức năng của hệ thống ERP. Vì vậy, mỗi doanh nghiệp có thể lựa chọn cách đi riêng phù hợp cho mình trên con đường tiến tới tin học hoá tổng thể công tác quản lý như sau:

- *Thứ nhất*: Đối với các DNSXDP có quy mô nhỏ, mặt bằng quản lý thấp, trình độ công nghệ thông tin của nhân viên quản lý còn hạn chế, kinh phí còn hạn hẹp thì lựa chọn mua những phần mềm kế toán của các công ty sản xuất phần mềm nội địa có nhiều tính năng quản trị, các phần mềm này cần phải tương thích với hệ thống ERP để khi đủ điều kiện ứng dụng phần mềm này thì không cần thiết phải thay đổi toàn bộ hệ thống, không lãng phí các chi phí quá khứ.

- *Thứ hai*: Đối với các DNSXDP có quy mô nhỏ, mặt bằng quản lý thấp, trình độ công nghệ thông tin của nhân viên quản lý còn hạn chế, kinh phí còn hạn hẹp hiện tại đang ứng dụng những phần mềm kế toán giản đơn, không có tính Module thì nên thay đổi sang những phần mềm nội địa có tính chuyên nghiệp hơn, có tính quản trị hơn để làm bước đệm cho công tác ứng dụng triển khai hệ thống phần mềm ERP sau này.

- *Thứ ba*: Đối với các DNSXDP có quy mô vừa hoặc lớn, mặt bằng quản lý khá cao, trình độ công nghệ thông tin của nhân viên quản lý tương đối tiên tiến, kinh phí không eo hẹp, hiện tại đang ứng dụng những phần mềm kế toán giản đơn, không có tính Module hoặc chưa ứng dụng phần mềm kế toán thì nên lựa chọn các phần mềm “*hệ thống ERP nội địa*”, hoặc nếu lựa chọn phần mềm nước ngoài thì cần phải chú ý đến các yêu cầu với nhà cung cấp phần mềm như đã nói ở trên.

Chương 3

NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

3.1 Sự cần thiết và nguyên tắc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm Việt Nam

3.1.1 Sự cần thiết hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm Việt Nam trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

Hệ thống thông tin trong doanh nghiệp là hệ thống thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho việc ra quyết định và kiểm soát. Để kế toán đáp ứng được yêu cầu quản lý mới của nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải thiết lập và đưa vào vận hành trong nền kinh tế một hệ thống thông tin kế toán với sự trợ giúp có hiệu quả của các công cụ, phương tiện kỹ thuật hiện đại. Mặt khác, chúng ta không thể tổ chức thu thập, xử lý và cung cấp hệ thống thông tin kế toán tài chính, hệ thống thông tin kế toán quản trị một cách thường xuyên, liên tục, nhanh chóng, kịp thời mà không có sự trợ giúp của chương trình kế toán được lập trình.

3.1.2 Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm Việt Nam trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm Việt Nam trong việc ứng dụng các kỹ thuật tin học hiện đại trong công tác kế toán phải tuân thủ những nguyên tắc:

- *Một*: Phải tuân thủ Luật Kế toán, các nguyên tắc, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, đồng thời phải phù hợp với cơ chế, chính sách và yêu cầu quản lý trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở nước ta.

- *Hai*: Không những tuân thủ Luật Kế toán, các nguyên tắc, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán mà còn phải tạo cơ sở cho việc kiểm tra, kiểm soát, tổng hợp số liệu thông tin kế toán trong hệ thống ngành như Tổng công ty Dược, Cục quản lý Dược Bộ Y tế...

- *Ba*: Phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm, tính chất, quy mô và phạm vi hoạt động của đơn vị.

- *Bốn*: Phải phù hợp với trình độ cán bộ quản lý và đặc biệt là cán bộ kế toán.

- *Năm*: Phải trang bị vật chất đồng bộ, tự động hóa cao nhưng an toàn, bảo mật và đảm bảo tính hiệu quả và khả thi.

3.2 Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm Việt Nam trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

3.2.1 Hoàn thiện tổ chức hạch toán ban đầu

Căn cứ vào hệ thống chứng từ kế toán do Bộ Tài chính ban hành, các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm cần lựa chọn những chứng từ kế toán

cần thiết, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Luận án đã đề cập hoàn thiện tổ chức hạch toán ban đầu trên các nội dung:

Thứ nhất, xây dựng danh mục chứng từ kế toán

Trong điều kiện doanh nghiệp ứng dụng phần mềm kế toán, các chứng từ phải được phân loại và mã hoá theo từng nội dung công tác kế toán có liên quan. Theo luận án, với đặc điểm sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm thì có thể sử dụng tối đa các loại chứng từ theo Quyết định 15 của Bộ Tài chính ban hành.

Thứ hai, tổ chức luân chuyển, xử lý, sửa chữa, lưu trữ và bảo quản chứng từ

Các chứng từ kế toán từ các nguồn khác nhau được chuyển đến phòng kế toán DN sẽ được kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ, phân loại chứng từ và tổ chức nhập dữ liệu vào máy tính. Thông thường được tổ chức theo 2 cách cơ bản sau:

Cách thứ nhất: Các bộ phận kế toán đảm nhận tất cả các công việc từ khâu xử lý chứng từ, khai báo hệ thống, nhập dữ liệu (chứng từ) vào máy tính, khai thác dữ liệu... cho đến kết xuất báo cáo liên quan của phần hành kế toán được phân công.

Cách thứ hai: Các bộ phận kế toán được tổ chức theo các phân hành kế toán như cách thứ nhất, nhưng khác một điểm cơ bản là: Trong bộ máy kế toán có một bộ phận xử lý chứng từ và nhập chứng từ vào máy riêng.

Theo luận án, các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm tùy thuộc vào điều kiện cụ thể (quy mô, mặt bằng quản lý, trình độ nhân viên kế toán, kinh phí đầu tư...) mà áp dụng cách xử lý nhập dữ liệu phù hợp để khai thác những ưu điểm của từng phương án.

- *Một:* Đối với các DNSXDP có quy mô nhỏ, mặt bằng quản lý thấp, trình độ công nghệ thông tin của nhân viên quản lý còn hạn chế, kinh phí còn hạn hẹp cho việc đầu tư công nghệ thông tin hoặc đối với những doanh nghiệp có quy mô loại vừa, trong thời kỳ đầu mới ứng dụng phần mềm kế toán thì nên tổ chức áp dụng cách nhập dữ liệu thứ hai.

- *Hai:* Đối với các DNSXDP có quy mô vừa hoặc lớn, mặt bằng quản lý khá cao, trình độ công nghệ thông tin của nhân viên quản lý tương đối tiên tiến, kinh phí không eo hẹp cho việc đầu tư trang bị hệ thống mạng máy tính nội bộ, hay cục bộ thì nên áp dụng cách thứ nhất để tổ chức nhập dữ liệu, xử lý dữ liệu theo từng phân hành kế toán.

Khi phát hiện có sai sót trong việc nhập dữ liệu cần phải sửa chữa, các kế toán viên thường lọc chứng từ quay về chứng từ gốc đã bị nhập sai trên máy

rồi thực hiện “Sửa/xóa” trên chứng từ đó. Với cách sửa như vậy là vi phạm Luật Kế toán, mà số liệu ghi sai phải sửa chữa theo một trong hai phương pháp: *Ghi âm hoặc ghi bổ sung*. Luận án đã đề cập đến các phương pháp sửa chữa sai sót trong điều kiện sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính:

- *Đối với trường hợp sai sót là “thiếu hoặc thừa” nhưng vẫn đúng mối quan hệ tài khoản:*

Trường hợp sai sót “thiếu”: Các doanh nghiệp cần thực hiện đúng quy định của Luật kế toán bằng cách lập **“Chứng từ ghi sổ bổ sung”** và ghi thêm số chênh lệch thiếu cho đủ. Trường hợp sai sót “thừa, nếu thực hiện theo quy định của Luật Kế toán thì kế toán phải nhập liệu 2 lần mới điều chỉnh xong cho 1 lần chữa sổ. Theo tác giả, trong trường hợp này kế toán chỉ cần lập một **“Chứng từ ghi sổ bổ sung là chênh lệch âm”**.

- *Đối với trường hợp sai sót về mối quan hệ tài khoản đối ứng:*

Các doanh nghiệp cần hạn chế tối đa trường hợp sai sót này bằng cách mã hóa các danh mục chứng từ theo mối quan hệ thường xuyên phát sinh nghiệp vụ, khi đó trên giao diện màn hình nhập liệu sẽ mặc định các chứng từ Nợ/Có hoặc mặc định theo vé phát sinh Nợ hay phát sinh Có của tài khoản.

- *Đối với trường hợp sai sót nhưng chưa in sổ và báo cáo kế toán:*

Khi kiểm tra nội bộ công tác kế toán nếu phát hiện các sai sót mà chưa in các sổ kế toán, chưa lập các báo cáo kế toán thì có thể cho phép sửa sai trực tiếp trên chứng từ ban đầu đã nhập liệu sai bằng cách lọc chứng từ quay về chứng từ gốc đã bị nhập sai trên máy rồi thực hiện sửa/xóa trên chứng từ đó.

3.2.2 Hoàn thiện công tác khử trùng chứng từ

Trong nhiều trường hợp một nghiệp vụ kế toán phát sinh có 2 chứng từ ban đầu, và nếu sử dụng từng chứng từ để ghi sổ kế toán thì sẽ dẫn đến trường hợp nhập dữ liệu vào máy Nợ/Có 2 lần trùng nhau. Nếu xem xét kỹ các phát sinh có chứng từ trùng thì ta có thể phân loại chúng thành các nhóm sau:

- *Nhóm một: Quy định về cập nhật chứng từ trùng liên quan đồng thời tới tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.* Luận án đề ra các phương án giải quyết:

+ Phương án 1: *Chỉ sử dụng và nhập 1 chứng từ có tính ưu tiên là phiếu chi hoặc chứng từ ngoại tệ.*

+ Phương án 2: *Nhập cả 2 chứng từ thông qua tài khoản trung gian là TK tiền đang chuyển.*

- *Nhóm hai: Quy định về cập nhật chứng từ trùng liên quan đến mua bán vật tư, hàng hoá thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng.*

+ Phương án 1: *Hạch toán tổng hợp 1 chứng từ chi tiền hoặc thu tiền, nhưng chứng từ liên quan đến mua hoặc bán vật tư hàng hoá không hạch toán tổng hợp mà chỉ cập nhật các thông tin chi tiết.*

+ Phương án 2: *Chỉ cập nhật chứng từ liên quan đến mua, bán vật tư, hàng hoá còn không cập nhật chứng từ thu hoặc chi tiền.*

+ Phương án 3: *Hạch toán thông qua tài khoản công nợ phải trả; phải thu.*

- *Nhóm ba: Quy định về cập nhật chứng từ trùng liên quan đến thanh toán tiền tạm ứng mua vật tư, hàng hoá.*

+ Phương án 1: *Sử dụng cả 02 chứng từ để nhập dữ liệu nhưng chứng từ liên quan đến vật tư, hàng hoá không hạch toán tổng hợp.*

+ Phương án 2: *Chỉ cập nhật chứng từ liên quan đến nhập vật tư, hàng hoá; không cập nhật giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng.*

- *Nhóm bốn: Quy định về cập nhật chứng từ trùng liên quan đến cung cấp dịch vụ thu tiền ngay.*

+ Phương án 1: *Chỉ nhập chứng từ thu tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.*

+ Phương án 2: *Sử dụng và cập nhật cả 2 loại chứng từ, hạch toán qua tài khoản công nợ phải thu.*

Trong từng phương án của từng nhóm trường hợp chống trùng kể trên, luận án đã tập trung làm rõ nội dung của phương án, các ưu điểm, nhược điểm và rút ra điều kiện vận dụng cho từng phương án cụ thể đối với các DN.

3.2.3 Tổ chức mã hoá các đối tượng quản lý trong cơ sở dữ liệu kế toán

Sau khi trình bày hệ thống các đối tượng kế toán cần quản lý, luận án đã tập trung vào trình bày các phương pháp mã hóa các đối tượng cần quản lý đối với các DNSXDP. Trong mã hoá nói chung, người ta thường tiến hành phân loại sơ bộ các đối tượng theo tính chất của chúng. Để mã hoá các tính chất của đối tượng có thể chia thành 2 mức độ: Mức đơn giản và mức phức tạp (kết hợp). Nhóm thứ nhất bao gồm các phương pháp mã hoá cơ bản, nhóm thứ hai là các phương pháp được xây dựng kết hợp từ các phương pháp của nhóm thứ nhất. Hai phương pháp cơ bản là mã hoá song song và mã hoá liên tiếp thu được do kết quả phân loại sơ bộ tập hợp các tính chất của đối tượng.

3.2.4 Hoàn thiện tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

Sau khi trình bày những yêu cầu về việc xây dựng hệ thống tài khoản, mã hóa tài khoản của các DNSXDP để phục vụ cho công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp, cho công tác quản lý của Bộ Y tế, Cục quản lý Dược, Tổng

công ty Dược Việt Nam, luận án đã xây dựng các phương án mã hóa tài khoản cho các DN.

+ Phương án 1: *Mã hoá các loại sản phẩm, hàng hoá kết hợp ký hiệu tài khoản và đăng ký liên tiếp theo thứ bậc hình cây.*

+ Phương án 2: *Mã hóa tài khoản kết hợp ký hiệu tài khoản và một hoặc một số chữ cái đầu của danh mục vật tư, sản phẩm, hàng hóa cùng với số đăng ký thứ tự liên tiếp.*

Danh mục hệ thống tài khoản được xây dựng và mã hoá ngay từ khi chương trình phần mềm bắt đầu ứng dụng và đảm bảo tính thống nhất trong việc sử dụng ở các bộ phận liên quan khác. Với phương án 1 có ưu điểm hơn phương án 2 trong việc bổ sung các tài khoản chi tiết khi có mặt hàng mới đưa vào sản xuất sẽ bảo đảm tính đồng nhất, nhưng có nhược điểm là việc xâu lọc để tìm theo tên sản phẩm sẽ gặp khó khăn. Tuy nhiên, trong điều kiện trình độ công nghệ thông tin của nhân viên kế toán ngày càng phát triển, để bảo đảm tính logic, tính khoa học và tính mở cho sự phát triển sản phẩm mới thì các DNSXDP nên áp dụng phương án thứ nhất trong việc tổ chức mã hóa tài khoản.

3.2.5 Xây dựng mô hình bộ máy kế toán phù hợp với hình thức tổ chức công tác kế toán

Có thể tổ chức bộ máy kế toán theo một trong ba hình thức sau:

- *Thứ nhất, tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung.*

Theo hình thức này thì toàn đơn vị tổng thể chỉ tổ chức một phòng kế toán trung tâm ở đơn vị chính, còn ở các đơn vị trực thuộc không tổ chức công tác kế toán riêng. Đối với doanh nghiệp tổ chức công tác kế toán tập trung, việc trang bị máy tính theo mạng nội bộ cho phòng kế toán trung tâm gồm các máy tính trang bị cho từng kế toán viên chịu trách nhiệm từng phần hành kế toán và máy tính tổng hợp. Khi đó mỗi bộ phận kế toán đều phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ thuộc phần hành của mình từ khâu lập chứng từ, xử lý hạch toán ban đầu, nhập dữ liệu vào máy, khai thác số liệu, cung cấp số liệu cần thiết theo chức năng nhiệm vụ, theo sự phân cấp, phân quyền; đối chiếu kiểm tra số liệu với các bộ phận kế toán liên quan. Bộ phận kế toán tổng hợp tiếp nhận thông tin từ các máy tính thuộc các phần hành hoặc được sự phân cấp, phân quyền có thể khai thác sử dụng thông tin trực tiếp trên máy tính của các bộ phận để từ đó tổng hợp thông tin, lập được các sổ kế toán, báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị...

Luận án còn nêu lên các ưu điểm, nhược điểm và điều kiện vận dụng cho các DNSXDP khi áp dụng hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung.

- Thứ hai, tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tổ chức công tác kế toán phân tán.

Ở đơn vị chính được thành lập phòng kế toán trung tâm, còn ở các đơn vị trực thuộc đã được phân cấp quản lý kinh tế tài chính nội bộ như các xí nghiệp sản xuất trực thuộc công ty, chi nhánh bán hàng của các công ty tại các địa bàn khác nhau đều có tổ chức công tác kế toán riêng. Theo hình thức này thì việc tổ chức trang bị máy tính, xây dựng phần mềm kế toán trên máy tính còn phụ thuộc vào nhiều nhân tố. Trong đó, quan trọng nhất là khả năng tài chính của doanh nghiệp trong việc nối mạng nội bộ, thuê đường truyền riêng hay không giữa trung tâm với các phòng kế toán của các đơn vị trực thuộc. Luận án cũng đã nói lên những ưu điểm, nhược điểm của từng trường hợp và đề xuất cho các DNSXDP tùy thuộc vào điều kiện cụ thể để tổ chức nối mạng nội bộ, thuê đường truyền riêng nhằm mục đích thu thập, tổng hợp thông tin toàn công ty với địa bàn phân tán.

- Thứ ba, tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tổ chức công tác kế toán vừa tập trung vừa phân tán.

Theo hình thức này là sự kết hợp của 2 hình thức trên: Ở đơn vị chính thành lập phòng kế toán trung tâm, ở các đơn vị phụ thuộc lớn, đủ trình độ quản lý được phân cấp quản lý kinh tế tài chính nội bộ mức độ cao thì tổ chức kế toán riêng; còn ở các đơn vị trực thuộc nhỏ, không có khả năng quản lý độc lập thì không phân cấp quản lý kinh tế tài chính nội bộ và không cho tổ chức công tác kế toán riêng mà ở đó chỉ bố trí các nhân viên kinh tế làm nhiệm vụ hướng dẫn hạch toán ban đầu. Trong điều kiện tổ chức mạng máy tính (WAN) thì việc cung cấp số liệu và báo cáo được thực hiện trên mạng từ máy tính của phòng kế toán trực thuộc về máy tính của kế toán tổng hợp tại phòng kế toán trung tâm; trường hợp không nối mạng (WAN) giữa trung tâm với các phòng kế toán đơn vị trực thuộc thì tính kịp thời báo cáo của toàn đơn vị phụ thuộc vào việc cung cấp báo cáo, tài liệu của các đơn vị trực thuộc cũng như việc nhập dữ liệu, xử lý dữ liệu ở phòng kế toán trung tâm.

3.2.6 Tổ chức công tác kiểm tra kế toán

Trong phần này, sau khi trình bày những rủi ro, sai sót và những gian lận thường xảy ra trong môi trường xử lý bằng máy tính, luận án đã đề cập đến 3 nhóm thủ tục kiểm tra bằng chương trình máy tính sau:

- *Một, kiểm soát nhập liệu:* Kiểm soát nhập liệu được thực hiện từ khi có nguồn dữ liệu cho đến khi hoàn tất nhập liệu vào hệ thống. Đây là công tác kiểm tra có tầm quan trọng bậc nhất đối với công tác kiểm tra kế toán, bao gồm các nội dung: Kiểm soát nguồn dữ liệu; kiểm tra quá trình nhập liệu;

- *Hai, kiểm soát quá trình xử lý dữ liệu:* Kiểm soát xử lý kiểm tra sự chính xác của thông tin kế toán trong quá trình xử lý số liệu, loại trừ các yếu tố bất thường trong quá trình xử lý và đảm bảo cho hệ thống vận hành như thiết kế ban đầu. Hệ thống xử lý yêu cầu các mẫu tin trong tệp tin dữ liệu nằm theo trình tự. Kiểm soát trình tự sẽ phát hiện ra mẫu tin nào không nằm đúng thứ tự. Trong quá trình thiết kế hệ thống, người lập trình sẽ lập trình các thủ tục kiểm soát xử lý do kế toán cung cấp để hệ thống có thể tự động kiểm tra các hoạt động xử lý.

- *Ba, kiểm soát thông tin đầu ra:* Kiểm soát thông tin đầu ra bao gồm chính sách và các bước thực hiện nhằm đảm bảo sự chính xác của việc xử lý số liệu.

Cuối cùng, luận án đã nêu lên nội dung, sơ đồ trình tự các phương pháp kiểm tra thử nghiệm kiểm soát: *kiểm tra dữ liệu; mô phỏng song song; phương tiện kiểm tra tích hợp hệ thống.*

3.2.7 Hoàn thiện công tác quản trị người dùng và bảo mật thông tin

Hoàn thiện công tác quản trị người dùng gồm 3 lĩnh vực: Phân chia trách nhiệm, truy cập cơ sở dữ liệu, xác lập quyền sở hữu dữ liệu.

Để tuân thủ nguyên tắc phân công phân nhiệm trong bộ máy kế toán, phần mềm kế toán dù chạy trên môi trường đơn lẻ hay mạng đều phải có chức năng phân quyền. Tùy theo quy mô của đơn vị kế toán để tổ chức phân quyền nhưng về cơ bản có 4 loại cấp bậc như sau:

- Kế toán trưởng: Có quyền sử dụng tham số hệ thống (đơn vị hạch toán, cơ quan chủ quản...), duyệt danh mục tài khoản và các bảng danh mục quan trọng khác, mở sổ kế toán, khoá sổ kế toán, hợp thức các chứng từ kế toán, phân quyền cho các nhân viên khác, in các báo cáo tài chính, quản trị và theo dõi công việc của toàn bộ người dùng.

- Kế toán viên chính: Được phân quyền thực hiện các bút toán cho toàn bộ các sổ nhật ký, được quyền in các sổ nhật ký.

- Kế toán viên cơ bản: Được chuyên môn hoá theo loại hình công việc, chỉ được mở các sổ kế toán, sổ nhật ký theo sự phân công của kế toán trưởng.

- Kiểm tra kế toán: Có chức năng đảm bảo các nguồn dữ liệu, thông tin kế toán một cách đầy đủ và chính xác, giám sát quy trình làm việc trên hệ

thống máy tính, kiểm tra, đối chiếu nhập liệu và kết xuất, sửa chữa các mẫu tin sai sót do nhập liệu và kiểm soát việc chuyển giao các kết xuất của hệ thống.

Mục tiêu chính của công tác an toàn dữ liệu là đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy cao và phục hồi được trong các trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật trong quá trình tiếp nhận, xử lý và truyền tin đối với cấu trúc dữ liệu và nội dung dữ liệu. Sau khi trình bày một số biện pháp an toàn dữ liệu chung cho việc xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu kế toán, luận án đã trình bày các biện pháp và công cụ bảo mật thông tin bao gồm:

- *Một, các biện pháp hành chính:* Ban hành các quy định về mặt hành chính như quy chế bảo mật; nội quy hoạt động chung cho các mạng cục bộ, các phòng máy tính và các máy đơn lẻ; quy định rõ và kiểm soát chặt chẽ chức năng quyền hạn của các cán bộ được phép chuyển thông tin từ trong hệ thống ra ngoài và ngược lại...

- *Hai, các biện pháp kỹ thuật:*

- Thiết lập hệ thống bảo mật nhiều tầng, nhiều mức khác nhau;

- Duy trì đồng thời nhiều dạng bảo mật phù hợp với từng loại thông tin số liệu và các yêu cầu nghiệp vụ như: Mã hoá dữ liệu, chữ ký điện tử, khoá công cộng...

3.2.8 Hoàn thiện một số nội dung tổ chức công tác kế toán quản trị trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

Do phạm vi và dung lượng của đề tài, luận án đi vào trình bày 2 giải pháp hoàn thiện nội dung tổ chức công tác kế toán quản trị quan trọng nhất trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán trong các DNSXDP Việt Nam.

- *Một, hoàn thiện tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:* Các DNSXDP cần phải hoàn thiện các nội dung:

+ Mã hoá tài khoản và mã hoá các đối tượng quản lý liên quan đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

+ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán CPNCTT theo đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành.

+ Hoàn thiện công tác đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.

+ Hoàn thiện công tác phân bổ, kết chuyển chi phí và tính giá thành sản phẩm cuối kỳ.

- Hai, hoàn thiện tổ chức công tác kế toán quản trị doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Luận án đã trình bày phương pháp mã hóa các tài khoản doanh thu, các tài khoản giảm trừ doanh thu tương ứng... để phản ánh chi tiết từng loại doanh thu trên các góc độ quản trị thông tin khác nhau. Các TK kế toán quản trị doanh thu có thể được mã hoá liên tiếp theo thứ bậc hình cây doanh thu các loại sản phẩm, hàng hoá. Trong chương trình nhập liệu ghi nhận doanh thu theo định khoản Nợ tài khoản 111,112,131.../Có tài khoản 511,512, cần xây dựng định khoản mặc định đồng thời để tăng hiệu suất nhập liệu và hạn chế rủi ro nhập sai dữ liệu: Nợ tài khoản 111,112,131.../Có tài khoản 33311 và mặc định bút toán giá vốn đồng thời: Nợ tài khoản 632/Có tài khoản 155,156,157. (Trong đó chương trình giá vốn sẽ được xử lý tự động).

Với các nhà quản trị DNSXDP thì điều quan trọng là phải biết được kết quả là lãi (lỗ) của từng hoạt động, từng loại thuốc, từng công việc, lao vụ... Vì vậy, cần thiết phải đảm bảo tổ chức kế toán quản trị theo từng nội dung, yếu tố cấu thành để xác định kết quả trên cơ sở doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ. Từ đó cần phải có chương trình tự động trong việc kết chuyển doanh thu, chi phí, giá vốn, kết chuyển và phân bổ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng sản phẩm, hàng hóa. Đặc biệt đối với các chi phí liên quan đến nhiều đối tượng, cần xác định tiêu chuẩn phân bổ thích hợp và có thể phân bổ chi tiết theo từng yếu tố chi phí trong mỗi thao tác kết chuyển phân bổ cuối kỳ. Luận án cũng đã xây dựng các sổ chi tiết về doanh thu, chi phí, kết quả cho phù hợp với việc cung cấp hệ thống thông tin kế toán quản trị trong các trường hợp doanh nghiệp sản xuất nhiều sản phẩm, doanh nghiệp sản xuất ít sản phẩm.

3.3 Điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm Việt Nam trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

Để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin theo các giải pháp trên, các DNSXDP cần phải có những điều kiện cụ thể để thực hiện, đó là:

- Thứ nhất: Phải có một môi trường pháp lý hoàn chỉnh và ổn định.

- Thứ hai: Đổi mới nhận thức về vai trò của công nghệ thông tin trong công tác kế toán và quản lý doanh nghiệp.

- *Thứ ba:* Đào tạo và cập nhật kiến thức tin học căn bản, tin học ứng dụng cho đội ngũ cán bộ quản lý, đặc biệt là cán bộ kế toán doanh nghiệp.

- *Thứ tư:* Doanh nghiệp phải cân đối và giải quyết tốt vấn đề vốn đầu tư đủ mạnh để trang bị kỹ thuật và phần mềm ứng dụng.

KẾT LUẬN

Đề tài luận án “*Tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin*” được hoàn thành nhằm hoàn thiện lý luận về tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin mà trước hết là ứng dụng phần mềm kế toán, trên cơ sở đó, tìm ra giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán cho các DNSXDP Việt Nam hiện nay khi ứng dụng phần mềm kế toán. Trong phạm vi nghiên cứu, luận án đã:

Thứ nhất, nghiên cứu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, những nhân tố tác động đến tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

Thứ hai, nghiên cứu về công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác kế toán. Luận án đã trình bày tổng quan về máy vi tính và khả năng của máy vi tính trong xử lý thông tin, nguyên tắc lưu trữ dữ liệu trong máy tính. Làm rõ khái niệm về phần mềm kế toán, các nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng và tính ưu việt so với kế toán thủ công.

Thứ ba, luận án đã làm rõ hệ thống thông tin kế toán và hệ thống hóa, bổ sung lý luận cơ bản về nội dung tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán doanh nghiệp làm tiền đề cho việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán các DNSXDP trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

Thứ tư, luận án trình bày sự phát triển của ngành Dược và các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm Việt Nam, khái quát về công nghệ thông tin và công nghiệp phần mềm Việt Nam trong thời gian qua. Khảo sát và đánh giá thực trạng về tổ chức công tác kế toán ứng dụng phần mềm ở các doanh nghiệp sản xuất Dược phẩm, làm cơ sở cho những kiến nghị và giải pháp hoàn thiện.

Thứ năm, qua kinh nghiệm của các nước phát triển trên thế giới và các nguyên tắc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán các DNSXDP Việt Nam trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, luận án đã đưa ra 8 nội dung giải pháp

hoàn thiện tổ chức công tác kế toán ở các DNSXDP Việt Nam trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng được yêu cầu đã đặt ra.

Thứ sáu, luận án đã đề xuất 4 điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện về tổ chức công tác kế toán cho các DNSXDP trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.